

DỰ THẢO**KẾT LUẬN****CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Xem xét Báo cáo của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về sơ kết thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị kết luận như sau:

Sau hơn 03 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng về liên kết vùng Tây Nguyên từng bước được nâng cao. Một số chương trình, dự án, đề án nhằm bổ sung nguồn lực cho vùng được thực hiện. Phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên đạt được nhiều kết quả. Tăng trưởng kinh tế vùng đạt mức khá và liên tục; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực tập trung vào phát triển các thế mạnh của vùng; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2024 tăng 18,3%, đứng thứ 2 cả nước. Hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nhất là các tuyến cao tốc, hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội. Hợp tác và liên kết vùng được đẩy mạnh. Văn hóa – xã hội có nhiều tiến bộ; hệ thống cơ sở y tế phát triển cả về quy mô, số lượng, chỉ số sức khỏe người dân được cải thiện; giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao cả về quy mô và chất lượng. Ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới công nghệ; chuyển đổi số được đẩy mạnh. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được nâng cao. Chính trị, xã hội ổn định, an sinh xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng tiếp tục được đẩy mạnh, từng bước vận hành thông suốt, hiệu quả hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp.

Tuy nhiên, phát triển vùng Tây Nguyên còn một số khó khăn, hạn chế. Quy mô kinh tế vùng nhỏ nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội của cả nước. Tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản còn cao, có xu hướng tăng. Hạ tầng giao thông vùng Tây Nguyên được đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa đồng bộ, thiếu tính đa dạng. Tình trạng mất rừng và suy thoái rừng vẫn diễn ra phức tạp. Chất lượng hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa vùng với vùng khác còn nhiều bất cập, hiệu quả chưa cao. Chất lượng giáo dục còn thấp hơn mặt bằng chung của cả nước; chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực dân tộc thiểu số chưa đáp ứng

được yêu cầu. Năng lực cung ứng dịch vụ y tế của các cơ sở y tế còn hạn chế. Quốc phòng- an ninh còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Trước yêu cầu phát triển mới của cả nước, trong bối cảnh điều chỉnh địa giới các địa phương, các vùng kinh tế- xã hội và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc định hướng phát triển vùng và thực hiện Nghị quyết 23 - NQ/TW cần được rà soát, điều chỉnh toàn diện cả về tư duy phát triển, thể chế, phương thức điều phối và phân bổ nguồn lực; tái cấu trúc không gian phát triển vùng với các giải pháp cụ thể nhằm phát huy lợi thế so sánh để phát triển vùng và thực hiện mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn tới. Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết 23-NQ/TW; tập trung một số nội dung trọng tâm sau:

1. Phấn đấu đến năm 2030 đạt được các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân **trong giai đoạn 2026-2030** đạt khoảng **10,0%/năm**; GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng **8.000 USD**; Tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm khoảng 43-44% trong GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 33-34% (riêng công nghiệp chiếm khoảng 27-28%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 14% trong GRDP toàn vùng); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 16-17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 6-7%; **Tỷ trọng** kinh tế số trong GRDP khoảng 30%; Tỷ lệ đô thị hóa toàn vùng đạt khoảng 50%, trong đó khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ đạt trên 50%; Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt khoảng 65%, trong đó có khoảng 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trung bình cả nước; Tốc độ tăng dân số bình quân giai đoạn 2025-2030 duy trì ở mức 0,9- 1,0%/năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70-75%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 30-35%; **Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 17 bác sĩ; Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 40 giường bệnh**; 100% trạm y tế cấp xã có bác sĩ; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%; 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 100% học sinh tiểu học và THCS học tin học, ngoại ngữ; 100% trường học có Internet băng rộng, ít nhất 50% áp dụng mô hình trường học thông minh; Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì giảm 1,0-1,5%/năm; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức khoảng **51%**; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 98% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 80%; Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 50%; Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 100%; Tỷ lệ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn của dân cư nông thôn khoảng 62%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 98%, trong đó tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

2. Sớm hoàn thiện và ban hành Quy hoạch vùng **Duyên hải Nam Trung Bộ** và Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm 6 tỉnh, thành phố:

Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng để đảm bảo phù hợp với Quy hoạch **điều chỉnh** quốc gia và các chủ trương, định hướng của Trung ương về phân vùng; đồng bộ giữa quy hoạch vùng với quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành. Điều chỉnh mục tiêu và tổ chức không gian vùng theo hướng tập trung vào phát triển kinh tế xanh, bền vững, liên kết vùng mạnh mẽ và bảo đảm an ninh quốc phòng; phù hợp với định hướng phát triển các địa phương trong tổng thể vùng; chú trọng khai thác hiệu quả không gian phát triển mới do sắp xếp các đơn vị hành chính và đảm bảo hạ tầng đồng bộ và liên kết chặt chẽ giữa các địa phương. Phát triển không gian vùng gắn với sắp xếp lại đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp ở đô thị lớn và vùng liên tỉnh.

Nghiên cứu tổ chức không gian phát triển vùng theo các tiểu vùng: (i) *Tiểu vùng phía Bắc* gồm thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi; (ii) *Tiểu vùng Trung tâm* gồm tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk; (iii) *Tiểu vùng phía Nam* gồm tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Lâm Đồng. Trong đó, Đà Nẵng là cực tăng trưởng phía Bắc của vùng, đầu mối kết nối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với vùng Bắc Trung Bộ, Lào và các nước ASEAN; là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ... Gia Lai là một cực tăng trưởng ở khu vực trung tâm của vùng, đảm nhận chức năng là trung tâm sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy sản ứng dụng công nghệ cao; trung tâm khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực; trung tâm dịch vụ du lịch, logistics của toàn vùng, **trung tâm năng lượng tái tạo**; đồng thời là trung tâm kết nối nội vùng, ngoại vùng, kết nối với Lào, Campuchia thông qua các cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Lệ Thanh. Lâm Đồng là cực tăng trưởng phía Nam của vùng, đảm nhận chức năng là trung tâm du lịch, trung tâm rau hoa công nghệ cao và nông sản ôn đới của vùng và cả nước; đồng thời là đầu mối kết nối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ, Campuchia và các nước ASEAN. Từng bước đầu tư phát triển Lâm Đồng cùng với Khánh Hòa và vùng phụ cận trở thành một vùng kinh tế động lực của cả nước.

Phát triển các hành lang kinh tế kết nối khu vực Tây Nguyên - Đông Nam Bộ. Hình thành, phát triển các hành lang kinh tế Đông - Tây tại các tỉnh nhằm tạo trục kết nối liên thông, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới sau sáp nhập, như: Hành lang kinh tế Bắc - Nam ven biển (Đà Nẵng - Quy Nhơn - Phan Thiết); hành lang kinh tế Bắc Nam Tây Nguyên (Kon Tum - Pleiku - Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa); Hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Hành lang kinh tế Phú Yên - Đắk Lắk và Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa; Hành lang kinh tế Dầu Giây - Đà Lạt - Nha Trang; Hành lang kinh tế Cửa khẩu Bu Prăng - Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Bình Thuận. Nghiên cứu hình thành tuyến hành lang kinh tế Bờ Y - Đà Nẵng trên cơ sở cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42) và các tuyến đường bộ được nâng cấp, xây dựng mới ở phía bắc của vùng. **Ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh gắn với xây dựng các điểm dân cư biên giới bền vững, góp phần thúc đẩy hợp tác trong Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.**

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số làm động lực chính nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của vùng, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế biển hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực.

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp sạch, công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số; đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao; nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp; mở rộng diện tích cây ăn quả, dược liệu; phát triển vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là sản xuất rau, hoa, trái cây,...; hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Phát triển ngành dịch vụ toàn diện, bền vững và thông minh, tận dụng tối đa lợi thế cảng biển, sân bay và cửa khẩu quốc tế, đồng thời gắn kết chặt chẽ với các ngành nông nghiệp và công nghiệp nhằm mở rộng thị trường cung ứng và tiêu thụ trong và ngoài vùng; phát triển du lịch tổng hợp, bền vững và giàu bản sắc, đầu tư phát triển các trung tâm du lịch lớn gắn với tiềm năng đặc thù mỗi khu vực, hình thành các tuyến du lịch kết nối chuỗi không gian núi- rừng- biển và không gian di sản.

Phát triển mạnh kinh tế biển tại khu vực duyên hải, công nghiệp cơ khí chế tạo, luyện kim, lọc hóa dầu, năng lượng; cảng biển, cảng hàng không và dịch vụ logistics; du lịch biển, đảo, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản; hình thành các trung tâm kinh tế biển lớn tầm quốc gia, khu vực.

Tăng cường bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn gắn với bảo đảm an ninh nguồn nước đối với khu vực trung du, miền núi và cao nguyên. Nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Phát triển bền vững công nghiệp khai thác bô-xit, chế biến alumin, sản xuất nhôm. Đẩy mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên. Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy hoạt động thương mại, đầu tư.

4. Xây dựng hệ thống đô thị trong vùng theo mô hình đa trung tâm, xanh, thông minh, thích ứng và giàu bản sắc, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa biển - cao nguyên - biên giới, hành lang kinh tế chủ đạo; phát triển theo mạng lưới gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm. Phát triển chuỗi đô thị ven biển gắn với phát triển các trung tâm du lịch biển, trung tâm tài chính, các khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu công nghiệp; hình thành chuỗi đô thị - cảng biển - khu kinh tế - khu công nghiệp - khu du lịch trên trục ven biển, đặc biệt tại các khu vực: Chu Lai - Dung Quất - Quy Nhơn - Vân Phong - Phan Rang - Phan Thiết. Phát huy các kiến trúc đô thị gắn với bảo tồn di sản và bản sắc địa phương. Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng là đô thị thông minh, thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng; phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hóa Tây Nguyên; ưu tiên bố trí nguồn lực để ổn định các điểm dân cư đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tập trung đầu tư để hình thành bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng xã hội, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển giao thông vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại và liên kết, lấy kết nối ven biển - Tây Nguyên - biên giới và các hành lang kinh tế trọng điểm làm trục xuyên suốt. Nâng cao năng lực các tuyến trục chính và các tuyến kết nối tới cảng biển, cảng hàng không, trung tâm logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp. Ưu tiên hoàn thành xây dựng, mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; phát triển các tuyến đường bộ cao tốc kết nối Đông - Tây, các tuyến đường kết nối các đô thị; các tuyến đường nối với vùng Đông Nam Bộ, khu vực Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Hoàn thành tuyến cao tốc Quy Nhơn- Pleiku, Quảng Ngãi- Kon Tum,; cao tốc Bắc Nam phía Tây; cảng trung chuyển quốc tế Liên Chiểu. **Đầu tư, hoàn thành tuyến đường sắt răng cưa Tháp Chàm- Đà Lạt, có vai trò liên kết du lịch giữa các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây nguyên.** Nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E và Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột; đầu tư và đưa vào hoạt động cảng hàng không Phan Thiết.

6. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực then chốt và yếu tố dẫn dắt chuyển đổi mô hình tăng trưởng của vùng, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn vào sản xuất. Hình thành các hạt nhân đổi mới sáng tạo liên vùng tại Đà Nẵng, Khánh Hòa, Lâm Đồng; phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp tại Đà Nẵng, Gia Lai, Nha Trang, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt. **Nghiên cứu hình thành, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia tại tỉnh Khánh Hòa.** Hình thành chuỗi đô thị khoa học và đổi mới sáng tạo ven biển - cao nguyên theo mô hình “trục - cụm - mạng” trên trục Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Khánh Hòa - Lâm Đồng.

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; bảo đảm tiếp cận công bằng các dịch vụ văn hóa, nhất là tại khu vực cao nguyên và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp theo hướng đạt chuẩn, phù hợp với không gian văn hóa từng khu vực; gắn bảo tồn di sản với phát triển du lịch bền vững và công nghiệp văn hóa.

Phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng đồng bộ, hiện đại, mở và linh hoạt, bảo đảm tiếp cận công bằng và học tập suốt đời, phân bố các cơ sở giáo dục một cách hài hòa giữa vùng ven biển và vùng núi. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xã hội hóa và hợp tác công - tư để phát triển mạng lưới giáo dục, đào tạo. Cùng cố cụm giáo dục đại học Tây Nguyên với nòng cốt là Trường Đại học Tây Nguyên. Phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe theo hướng đồng bộ, hiện đại và liên kết vùng bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế giữa khu vực ven biển và khu vực Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích xã hội hóa và phát triển y tế tư nhân, gắn với hình thành các trung tâm chăm sóc sức khỏe và du lịch y tế tại các đô thị và điểm đến du lịch trọng điểm.

8. Hoàn thiện thể chế và cơ chế liên kết phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên theo hướng quản lý thống nhất không gian phát triển, tăng cường phối hợp liên tỉnh trong giải quyết các vấn đề mang tính liên vùng như hạ tầng, môi trường, tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; thúc đẩy phát triển theo chuỗi giá trị, chuỗi ngành hàng và hành lang kinh tế ven biển - cao nguyên - cửa khẩu. Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp lớn tham gia đầu tư các dự án hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế động lực của vùng. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tăng cường liên kết vùng, liên tỉnh trong bảo vệ môi trường phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng theo hướng đồng bộ, chủ động và chia sẻ trách nhiệm; ưu tiên xử lý các vấn đề có tính lan truyền, liên thông không gian, nhất là ô nhiễm nước mặt, chất thải rắn và chất thải nguy hại, suy giảm đa dạng sinh học và suy thoái rừng đầu nguồn. Đẩy mạnh liên kết ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo vệ môi trường; phối hợp huy động nguồn lực khoa học - công nghệ, chuyển giao công nghệ xử lý nước thải, chất thải và phục hồi hệ sinh thái; đồng thời tăng cường truyền thông, huy động sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng trong các chương trình bảo vệ môi trường liên vùng.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên gắn với xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, giữ vững chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa và biên giới, chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các tình huống, không để phát sinh điểm nóng. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tăng cường các hoạt động hợp tác quốc phòng, an ninh với các nước láng giềng như Lào, Campuchia thông qua các hoạt động tuần tra chung, trao đổi đoàn và giao lưu biên giới.

10. Tổ chức thực hiện

- Các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước, đặc biệt là Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kết luận này.

- Đảng ủy Quốc hội tiếp tục chỉ đạo rà soát, sửa đổi, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật hiện hành; nghiên cứu ban hành các cơ chế vượt trội để phát triển vùng; tăng cường giám sát của Quốc hội đối với các chương trình, dự án liên kết vùng theo Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo, lãnh đạo: (i) Ban hành Chương trình hành động triển khai Kết luận; (ii) Ban hành Quy hoạch điều chỉnh phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để định hướng cho các địa phương; (iii) Hoàn thiện cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng theo chủ trương của Đảng tại Đại hội XIV, chuyển từ tư duy phối hợp sang tư duy điều hành thực chất; (iv) Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách vượt trội và bổ sung nguồn lực để phát triển bền vững vùng theo Kết luận này.

- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận này báo cáo Bộ Chính trị./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ

Trần Cẩm Tú